

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VTHƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VTHƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VThư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VThư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà VThị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VThư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh V, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2020 cũng như tại bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án, nguyên đơn chị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/11/2014.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh V ở thôn T, xã P. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nhiều xung đột, cãi vã. Đến khoảng đầu tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở tại ở thôn H, xã P và chính thức sống ly thân với anh V từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V không tôn trọng, có thái độ xúc phạm chị và gia đình chị. Nhiều lần anh V đánh đập, chửi bới chị và có những lời lẽ xúc phạm chị trên mạng xã hội. Ngoài ra anh V còn không tự giác chủ động lao động kiếm tiền nuôi con. Chị T xác định cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc. Từ khi chị bỏ đi đến nay anh V và gia đình anh V có tìm gặp và mong muốn chị quay về nhưng vì bản thân chị đã động viên, khuyên bảo và nhiều lần cho anh V cơ hội để sửa chữa nhưng anh V vẫn không thay đổi nên chị kiên quyết không quay về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Đào Anh K, sinh ngày 16/4/2015. Hiện nay, con K đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh V không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị và anh V không có nợ chung cũng không cho ai vay mượn tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho điều kiện nuôi con của chị là các bảng trả lương và đơn xin xác nhận về nơi ở của mẹ con chị có chứng thực của UBND xã p.

*** Bị đơn anh V** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và ra Giấy triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Theo đơn đề nghị hỗ trợ gửi bản sao tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cho bị đơn, Tòa án đã gửi các tài liệu này cho anh V qua đường bưu điện. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu anh V chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án và giao nộp văn bản thể hiện quan điểm của anh V đối với việc giải quyết vụ án, đồng thời tiến hành gửi qua đường bưu điện và niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ thì anh V có mặt, thể hiện quan điểm của mình như sau:

Anh V đã biết việc chị T xin ly hôn anh tại Tòa án V. Các văn bản tài liệu tố tụng mà Tòa án gửi cho anh, anh và gia đình đã nhận được nên không có ý kiến gì. Về quan hệ hôn nhân, anh không muốn ly hôn với chị T. Tuy nhiên anh xác nhận do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 3/2020,

chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị, anh và gia đình anh đã khuyên bảo và tìm chị T về nhưng chị T không về. Biết việc chị T có đơn ly hôn thì anh đã nói chuyện với chị T để vợ chồng bỏ qua cho nhau về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nay anh xác định việc chị T kiên quyết ly hôn thì anh không thể níu kéo được nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tòa án đã yêu cầu anh V viết văn bản trình bày quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và nêu quan điểm của anh đối với việc giải quyết vụ án nhưng anh V không viết, anh cũng không đồng ý để Tòa án lập biên bản ghi lại ý kiến trình bày của anh và không ký vào biên bản phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ mà anh V có tham gia. Anh V thể hiện quan điểm sẽ không đến tham dự phiên tòa và cam kết không có thắc mắc, khiếu nại gì, đề nghị Tòa án cứ căn cứ pháp luật giải quyết. Ngoài ra anh V còn trình bày và thừa nhận năm 2018 và năm 2019 anh và chị T đã nhiều lần đến Tòa án để giải quyết ly hôn theo đơn của chị T nhưng được Tòa án hòa giải nên chị T đã rút đơn về. Hiện nay anh đã cải thiện và cố gắng rất nhiều để hàn gắn tình cảm nhưng chị T xác định đã hết tình cảm với anh nên anh chấp nhận việc chị T xin ly hôn anh. Anh V không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Về con chung, anh V có nguyện vọng nuôi con Đào Anh K nhưng vì con K còn nhỏ nên anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không vay nợ chung và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên tòa anh V 02 lần vắng mặt không có lý do.

**** Theo Đơn đề nghị và trình bày ý kiến của bà Bùi Thị B, sinh năm 1975, trú tại thôn H, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình (là mẹ của chị T):***

Về hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình anh V ở thôn T, xã P, huyện V. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc do tính tình anh V nóng nảy, thường xuyên xảy ra bạo lực gia đình đối với chị T ngay tại gia đình nhà đẻ anh V cũng như tại gia đình bà, nhiều lần vợ chồng anh chị va chạm, anh V đã đánh chị T làm mất trật tự trị an khu xóm, chính quyền thôn phải đến can thiệp. Chị T đã nín nhịn chịu đựng chung sống với anh V để nuôi con và khuyên bảo chồng nhưng anh V không thay đổi. Gia đình bà đã kết hợp khuyên bảo chị T và anh V để cải thiện tình cảm cho anh chị và cho anh V nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh V không thay đổi. Bà B cũng trình bày cách đây một vài năm, chị T và anh V đã đến Tòa án giải quyết ly hôn theo đơn yêu cầu của chị T và được hòa giải nên chị T đã rút đơn về. Nay để đảm bảo cho sức khỏe của chị T và để chị T ổn định cuộc

sống, nuôi dạy con, bà B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh V. Về con chung: Vợ chồng anh V chị T có 01 con chung là cháu Đào Anh Kiệt, sinh ngày 16/4/2015. Ly hôn, bà B đề nghị Tòa án giao cháu Kiệt cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu K còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Hiện chị T đang làm việc tại công ty TNHH Yazaki nên có thu nhập ổn định. Bà B cam đoan bà và gia đình sẽ đảm bảo hỗ trợ tốt cả về vật chất và tinh thần cho mẹ con chị T về chỗ ăn, ở, sinh hoạt và đưa đón cháu Kiệt đi học. Về tài sản chung của vợ chồng chị T bà đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh V chị T và quy định của pháp luật để giải quyết.

**** Theo ông Đào Văn L, sinh năm 1970, trú tại: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ của anh V) trình bày:***

Về hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình ông ở thôn T, xã P, huyện V. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng cải thiện tình cảm, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay gia đình ông và anh V đều không muốn vợ chồng anh V ly hôn mà mong Tòa án hòa giải để anh chị được đoàn tụ. Tuy nhiên, gia đình ông tôn trọng quyết định của anh chị, nếu chị T kiên quyết ly hôn thì gia đình ông chấp nhận, không có ý kiến gì. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Anh K, sinh năm 2015. Ly hôn, gia đình ông và anh V mong muốn nuôi cháu K nhưng do cháu còn nhỏ, rất quắn mẹ nên gia đình ông nhường quyền nuôi con cho chị T để bảo đảm lợi ích tốt nhất cho cháu bé. Về tài sản chung: Chị T và anh V chưa đóng góp, kiến thiết được gì cho gia đình ông. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị T ông không nắm được. Đối với những thông báo, quyết định của Tòa án gửi cho anh V, gia đình ông đã nhận được và anh V đã biết. Tuy nhiên, anh V và gia đình có quan điểm không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết. Anh V hiện đang có mặt tại gia đình tại thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình. Đề nghị Tòa án gửi văn bản cho anh V qua địa chỉ trên.

**** Theo biên bản xác minh ngày 15/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình, chính quyền địa phương cung cấp:***

Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình anh V ở thôn T, xã P, huyện V. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Nhiều đêm bố mẹ anh V phải mời chính quyền thôn tới can thiệp vì anh V xô xát, đánh chửi chị T. Theo địa phương nắm được, có lần anh V đánh chị T phải ra trạm y tế xã khâu vết thương. Năm 2019, chị T đã nhiều lần có đơn xin ly hôn anh V nhưng do chính quyền

địa phương hòa giải nên chị T lại rút đơn về. Nay chị T xin ly hôn anh Vũ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để tránh tình trạng vợ chồng xô xát, đánh nhau, gây thương tích. Hiện anh Vũ đang làm lao động tự do đi lái máy lu, máy xúc nhưng địa phương không biết được địa chỉ anh Vũ làm việc ở đâu. Tại thời điểm hiện tại, anh Vũ đang có mặt tại thôn T, đề nghị Tòa án triệu tập anh Vũ lên làm việc để nắm bắt quan điểm của anh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Anh K, sinh năm 2015. Hiện tại, con còn nhỏ đang ở với chị T. Gia đình chị T có điều kiện kinh tế, là thành phần gia đình tốt, có điều kiện chăm lo con cho chị. Chị T có công việc và thu nhập ổn định. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh gia đình hai bên và phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho cháu bé. Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị T và anh Vũ không có khoản nợ nào ở địa phương và các tổ chức, đoàn thể ở xã. Tài sản chung của anh chị, địa phương không nắm được. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi qua đường bưu điện, bưu tá xã đã giao đầy đủ đến tận tay đương sự và gia đình của họ.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình có quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng như viết bản tự khai, giao nộp các tài liệu, chứng cứ, tham gia đầy đủ theo triệu tập của Tòa án phục vụ cho việc xét xử vụ án. Bị đơn không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án và không đến Tòa để viết bản tự khai. Tuy nhiên bị đơn có tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ nhưng lại hai lần vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị: Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh Đào Thế V. Quan hệ con chung: Giao con Đào Anh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Quan hệ tài sản: Do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không thể hiện quan điểm về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh V nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là anh V có nơi cư trú tại thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc quyết định áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án như nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Bị đơn anh V đã được triệu tập hợp lệ 02 lần đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị T và vắng mặt bị đơn là anh V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 15/11/2014 là hôn nhân hợp pháp. Do anh V và chị T bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Mặt khác, do anh V không tôn trọng, có thái độ xúc phạm và nhiều lần đánh đập chị T nên mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng. Chị T đã nhiều lần cho anh V cơ hội để sửa chữa và gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhưng anh V không thay đổi và mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại. Từ tháng 3/2020 chị T đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ của chị và ly thân với anh V. Sau khi chị T bỏ đi, anh V và gia đình anh V có tìm gặp và mong muốn chị T quay về, nhưng chị T kiên quyết không quay về. Bản thân anh V không đưa ra được giải pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Khi Tòa án thông báo và có Giấy triệu tập anh V đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm giải quyết vụ án, và tham gia phiên tòa thì anh V không chấp hành. Điều này thể hiện thái độ buông xuôi của anh V để Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của anh chị ra sao cũng được. Xét đời sống hôn nhân của chị T và anh V đã chấm dứt trên thực tế, chị T không còn tình cảm và không muốn chung sống với anh V nữa nên kiên quyết xin ly hôn, do vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Năm 2018, 2019 anh V và chị T đã đến Tòa án để giải quyết ly hôn, chị T nhiều lần gửi đơn xin ly hôn ra Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành xin ly hôn anh V, nhưng vì được Ủy ban nhân dân xã và Tòa án hòa giải nên chị T đã rút đơn về. Nay chị T tiếp tục có đơn xin ly hôn và kiên quyết không chấp nhận đoàn tụ theo nguyện vọng của anh V vì theo chị T là do bạo lực gia đình. Điều này chứng tỏ hôn nhân của chị T và anh V không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh V.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là Đào Anh K, sinh năm 2015. Hiện tại, con K đang ở với chị T, được chị T và bố mẹ đẻ chị T trực

tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị T Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay, chị T làm việc ở công ty TNHH Yazaki, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Việc chị nuôi con có sự hỗ trợ cả về chỗ ở, vật chất và tinh thần của gia đình chị. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh V cũng đồng ý để chị T nuôi con vì hiện nay cháu Kiên còn nhỏ, cần sự quan T, chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao con chung là Đào Anh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T và anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Do chị T không yêu cầu giải quyết và không có lời trình bày của anh V về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị T và anh V nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Chị T và anh V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác về quan hệ tài sản chung của vợ chồng khi cần thiết.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị T được ly hôn anh V.

2. Về quan hệ con chung:

Xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Anh K, sinh ngày 16/4/2015. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh V phải dưỡng nuôi con chung.

Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003805 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn chị T và bị đơn anh V. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VThư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành, huyện VThư, tỉnh Thái Bình (số vào sổ ĐKKH: 41 ngày 15/11/2014);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện VThư;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thoan

